– Thực hiện theo mẫu.

– Sửa bài, giải thích cách làm.

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi "Gấp lên một số lần, giảm đi một số lần".

Chẳng hạn: Gấp 4 lên 5 lần

Giảm 20 đi 5 lần.

...

BẢNG NHÂN 9
(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Bảng nhân 9:

- Thành lập bảng.
- Bước đầu ghi nhớ bảng.
- Vận dụng bảng để tính nhẩm.

– GQVĐ đơn giản của cuộc sống liên quan đến gấp một số lên một số lần.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: các tấm bìa có 9 chấm tròn.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– GV yêu cầu 10 HS đứng tại chỗ, mỗi em đưa 9 ngón tay.

– GV: Mỗi bạn đưa 9 ngón tay. Nói ngay 10 bạn đưa tất cả bao nhiêu ngón tay.

– Nếu ta thành lập bảng nhân 9 và học thuộc thì sẽ biết ngay kết quả.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Thành lập bảng nhân

– Mỗi nhóm đôi hoàn thiện bảng nhân 9.

– Một số nhóm trình bày trước lớp. HS có thể thực hiện theo các cách khác nhau.

Chẳng hạn:

- $5 \times 9 = 45$ nên $9 \times 5 = 45$.
- $9 \times 5 = 9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 45$.
- Đếm thêm 9.

– GV hướng dẫn HS nhận biết kết quả của hai phép nhân liên tiếp trong bảng hơn kém nhau 9 đơn vị.

9 × 3

9 × 4 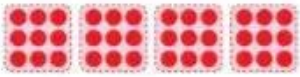

2. Học thuộc bảng nhân (HS sử dụng SGK)

Bài 1: HS **nhận biết** dãy là dãy số đếm thêm 9 và cũng là các tích trong bảng nhân 9.

GV có thể tổ chức để HS lần lượt **đọc** dãy số (đọc xuôi, đọc ngược, đọc từ một số bất kì trong dãy. Việc đọc sẽ kết thúc khi HS **ghi nhớ** dãy số. Có thể kết hợp với việc đưa ngón tay làm chỗ dựa trực quan cho HS khó khăn trong việc học thuộc lòng).

Bài 2: HS dùng bảng nhân hoặc **sử dụng** các ngón tay, **đếm thêm** 9 để **tìm** kết quả của các phép nhân trong bảng.

Có thể sử dụng ngón tay như sau. Ví dụ:

Xoè hai bàn tay.

9 × 4 thì gập ngón thứ tư của bàn tay trái.

Đọc kết quả: Còn 3 ngón và 6 ngón, đọc *ba mươi sáu*.

- HS **học thuộc** các phép nhân màu đỏ trong bảng và nhận biết có thể tìm kết quả của các phép nhân khác dựa vào ba phép nhân này.

GV chỉ lần lượt các số để HS đọc phép nhân và bước đầu thuộc bảng.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **quan sát** một cách tổng quát, **nhận biết** các trường hợp đặc biệt:

- Phép nhân có thừa số 0 (áp dụng nhận xét khái quát).
- Phép nhân có thừa số 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8 (dùng tính chất giao hoán và các bảng nhân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 đã học).

– Các phép nhân còn lại có thể có nhiều cách làm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thuộc bảng.
- Đếm thêm 9 (đếm từ đầu hoặc dựa vào các phép nhân màu đỏ).
- Chuyển về tổng các số hạng bằng nhau.

Khám phá

– HS quan sát hình ảnh con vượn mắt kính trong SGK, xác định yêu cầu và đọc kĩ nội dung.

– Nhóm đôi thực hiện trên bảng con.

– Một vài nhóm trình bày cách thực hiện, có thể tính viết hay tính nhẩm:

9 cm × 70 = 630 cm (9 × 7 chục = 63 chục).

– GV giới thiệu đôi nét về vượn mắt kính (loài vượn nhỏ nhất thế giới, được tìm thấy ở đảo Madagascar, châu Phi, vượn mắt kính di chuyển rất nhanh nhẹn nhờ nhảy xa).

– GV giúp HS hình dung chiều dài thân và khoảng cách mỗi lần nhảy.

- Dùng chiều dài ngón tay để so sánh chiều dài thân của vượn mắt kính.
- Xác định khoảng cách 630 cm trong lớp học.

CỦNG CỐ

Trò chơi "Đố số ngón tay giơ lên của tất cả các bạn" (tiếp nối phần khởi động).

BẢNG CHIA 9
(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Bảng chia 9:

- Thành lập bảng.
- Bước đầu ghi nhớ bảng (yêu cầu đối với các HS có khả năng dễ dàng thuộc bảng).

– Tìm kết quả phép chia trong bảng chia 9 dựa vào bảng nhân 9 (yêu cầu đối với đa số HS trong lớp).

– Thực hành gấp lên, giảm đi một số lần trong các trường hợp cụ thể được thể hiện qua bảng.

– Giải toán có nội dung thực tế.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bảng nhân 9, bảng chia 9.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– GV: Có 90 ngôi sao, chia đều cho 9 bạn. Mỗi bạn được bao nhiêu ngôi sao?

– HS trả lời và giải thích cách tìm kết quả.

Mỗi bạn được 10 ngôi sao.

$90 : 9 = 10$ vì $9 \times 10 = 90$

– Dùng trò chơi để ôn lại bảng nhân 9.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Thành lập bảng chia

– GV giới thiệu bảng chia 9 chưa có kết quả.

HS **nhận biết** số chia là 9, số bị chia là dãy số đếm thêm 9 (từ 9 đến 90). Đây cũng là các tích trong bảng nhân 9.